

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

**1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Gói thầu: Mua sắm Trang thiết bị Y tế năm 2025 của Trung tâm Y tế Mang Yang.
- Địa điểm: Số 01 đường Tuệ Tĩnh, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Máy Siêu âm tổng quát 04 đầu dò	<ul style="list-style-type: none"><li>- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, thiết bị mới 100%.</li><li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, EU Certificates</li><li>- Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz/60Hz</li><li>- Xuất xứ máy chính và đầu dò: thuộc nhóm nước G7</li><li>- Điều kiện môi trường làm việc:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nhiệt độ: 10 tới 40 độ C</li><li>+ Độ ẩm: 30 tới 75%</li></ul></li></ul> <p><b>1. CẤU HÌNH CUNG CẤP THEO YÊU CẦU</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>1.1. Thân máy chính: 01 Máy</li><li>1.2. Đầu dò Convex: 01 cái</li><li>1.3. Đầu dò Linear: 01 cái</li><li>1.4. Đầu dò Tim: 01 cái</li><li>1.5. Đầu dò Phụ khoa: 01 cái</li><li>1.6. Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</li><li>1.7. Máy in nhiệt trắng đen: 01 cái</li><li>1.8. Bộ máy vi tính cài đặt phần cứng và phần mềm trả kết</li></ul>	Bộ	1

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<p>quả siêu âm: 01 bộ</p> <p>1.9. Máy in phun màu: 01 cái</p> <p>1.10. Bộ lưu điện UPS online 2kVA 01 bộ</p> <p><b>CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐÁP ỨNG THEO YÊU CẦU</b></p> <p>Máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số cổng đầu dò hoạt động: ≥ 4 cổng (Không bao gồm cổng đầu dò bút chì)</li> <li>- Dung lượng ổ cứng ≥ 500 GB</li> <li>- Màn hình hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màn hình quan sát ≥ 21.5 inches</li> <li>+ Màn hình quan sát gắn trên xe đẩy máy được thiết kế đồng bộ của nhà sản xuất</li> <li>+ Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 10.1 inches</li> </ul> </li> </ul> <p>Phần mềm thăm khám:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm siêu âm bụng tổng quát</li> <li>- Phần mềm siêu âm sản phụ khoa</li> <li>- Phần mềm siêu âm mô mềm</li> <li>- Phần mềm siêu âm mạch máu</li> <li>- Phần mềm siêu âm tim</li> </ul> <p>Cấu hình máy tính cài đặt phần mềm trả kết quả siêu âm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel hoặc tương đương</li> <li>- Dung lượng bộ nhớ RAM: ≥ 8GB</li> <li>- Ổ cứng: ≥ 512 GB</li> <li>- Màn hình màu LCD ≥ 19.5inch 01 cái</li> <li>- Máy in màu trả kết quả siêu âm 01 cái</li> </ul> <p>2. Đầu dò Convex</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải tần số thăm khám: 1 – 5 MHz hoặc tương đương</li> <li>- Số lượng chấn tử: ≥ 160</li> </ul>		

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 70</math> độ</li> <li>- Các chế độ hoạt động: chế độ B, chế độ M, chế độ Doppler màu, chế độ Doppler liên tục, chế độ Doppler xung</li> <li>3. Đầu dò Linear <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải tần số thăm khám: 2 – 12 MHz hoặc tương đương</li> <li>- Số lượng chấn tử: <math>\geq 192</math></li> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 38</math> mm</li> </ul> </li> <li>4. Đầu dò Tim <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải tần số thăm khám: 1 – 5 MHz hoặc tương đương</li> <li>- Số chấn tử: <math>\geq 64</math></li> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 90</math> độ</li> </ul> </li> <li>5. Đầu dò Phụ khoa <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải tần số thăm khám: 2 – 10 MHz hoặc tương đương</li> <li>- Số chấn tử: <math>\geq 192</math></li> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 200</math> độ</li> </ul> </li> <li>6. CÁC YÊU CẦU KHÁC: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hành toàn hệ thống 12 tháng, tính từ ngày nghiệm thu thiết bị.</li> <li>- Cam kết hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh/Việt</li> <li>- Bản ép plastic quy trình vận hành máy.</li> </ul> </li> </ul>		
2	Giường bệnh nhân Loại 1 tay quay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm mới 100%</li> <li>- Sản xuất năm 2025</li> <li>- Giường bệnh nhân loại 1 tay quay: 01 cái có thanh chắn</li> <li>- Đệm: 01 cái</li> <li>- Giá cài bệnh án: 01 cái</li> <li>- Tay quay: 01 cái</li> </ul>	Cái	50

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bánh xe: 04 cái</li> <li>- Cọc truyền 01 cái</li> <li>- Cọc màn</li> </ul> THÔNG SỐ KỸ THUẬT: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước (Dài x Rộng x Cao): (1.900 x 900 x 540 mm) (± 20mm)</li> <li>- Có thành chắn</li> <li>- Giường y tế nâng đầu giường góc từ 0 - ≥ 45°</li> <li>- Tải trọng giường: ≥ 200kg</li> <li>- Vật liệu: INOX</li> </ul>		
3	Tủ đầu giường nhựa ABS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm mới 100%</li> <li>- Sản xuất năm 2025</li> <li>- Dài 45cm x rộng 42,5 cm x cao 78cm (Đã bao gồm bánh xe)</li> </ul> Chức năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt bàn để ngồi ăn</li> <li>- Ngăn để chứa vật dụng cá nhân</li> <li>- Ngăn để quần áo</li> <li>- Bánh xe thuận tiện cho di chuyển</li> </ul>	Cái	50

**Ghi chú:**

- Nhãn hiệu, mã hiệu nêu trong HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải thông số đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu hàng hóa khác so với HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương.

- Tương đương được hiểu là tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh. Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật.

### **1.3. Các yêu cầu khác:**

#### **a. Bảo hành**

- Thời gian bảo hành  $\geq$  12 tháng tính từ lúc nghiệm thu hàng hóa.

- Phương thức bảo hành: Trong thời gian bảo hành, nếu có sự cố nhà thầu phải có biện pháp khắc phục (từ xa hoặc trực tiếp) trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp máy hư hỏng nặng mà không thể khắc phục, sửa chữa ngay tại thời điểm được yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả giám định tình trạng hư hỏng và phương án sửa chữa cho Chủ đầu tư trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày xác định tình trạng hư hỏng. Thời hạn sửa chữa có thể được hai bên thỏa thuận gia hạn đối với từng trường hợp cụ thể, không quá 30 ngày. Trường hợp cần phải vận chuyển về công ty để khắc phục sự cố, Bên B sẽ đảm bảo thay thế tạm thời bằng thiết bị tương tự để không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng liên tục, bình thường của bên A. Nếu hết thời gian cam kết mà Nhà thầu chưa tiến hành kế hoạch thực hiện công tác bảo hành các sai sót hoặc có tiến hành nhưng không đáp ứng theo yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

#### **b. Bảo trì**

- Thời gian bảo trì (kể từ khi nghiệm thu, bàn giao toàn bộ hàng hóa): bảo trì tối thiểu 03 tháng/01 lần trong thời hạn bảo hành (thời gian cụ thể sẽ được các bên thống nhất theo lịch bảo trì hàng hóa).

- Giá bảo trì sau thời gian bảo hành: Nhà thầu có đề xuất lịch bảo trì và giá bảo trì tối thiểu 07 năm sau thời gian bảo hành.

- Có bảng báo giá linh kiện, phụ tùng thay thế ít nhất 08 năm.

#### **c. Các yêu cầu cam kết đối với nhà thầu, cụ thể:**

+ Nhà thầu cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, hàng hóa phải còn đầy đủ bao bì, còn nguyên đai nguyên kiện.

+ Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

+ Cung cấp Chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – CO), Chứng nhận chất lượng (Certificate of Quality – CQ), Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu (đối với các hàng hóa nhập khẩu).

+ Cam kết hàng hóa cung cấp có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.

+ Cam kết thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP.

**d. Về hướng dẫn sử dụng:**

+ Có kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng.

**1.4 Nhà thầu liệt kê danh mục hàng hóa dự thầu**

Nhà thầu phải nộp kèm theo E-HSDT các file excel theo mẫu sau (xem file excel đính kèm)

**BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU**

Stt	Mã phần	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Nhãn hiệu	Mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Số cấp giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận lưu hành hoặc phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm	Phân loại		Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
										Loại	Bảng phân loại								

**\* Ghi chú:**

- Nhà thầu tự kê khai và kèm tài liệu chứng minh. Trong tài liệu nhà thầu highlight các sản phẩm dự thầu và ghi số thứ tự hàng hóa trong trong HSMT.

**Mục 2. Bản vẽ: Không**